

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 328/2024/HS-PT

Ngày: 29-7-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Minh Tuấn**

**Các Thẩm phán:** Ông Lê Văn Thường

**Bà Trần Thị Kim Liên**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 591/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Lã Văn T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm tài sản*” và tội “*Tham ô tài sản*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Lã Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày 13 tháng 01 năm 1987 tại: huyện L, tỉnh Hà Nam; nơi ĐKNKTT: thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số C đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lã Văn T1 và bà: Nguyễn Thị H; có vợ: Lê Thụy Thảo L và 02 con, lớn nhất 09 tuổi, nhỏ nhất 07 tuổi; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/01/2021 đến ngày 17/5/2021. Hiện đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Nguyễn Mai H1 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Mai H1; địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.*

**- Người bị hại:** Công ty Cổ phần T10.

*Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân K - Tổng giám đốc.*

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N - Phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần T10, có mặt.*

*Địa chỉ: Số E, đường L, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; ông K vắng mặt, ông N có mặt.*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Đỗ Ngọc T2 - Trung tâm T11; địa chỉ: Số C T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 01 tháng 8 năm 2014, Công ty Cổ phần T10 (Công tT10) đã ký kết Hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Lã Văn T và giao đảm nhiệm công việc cán bộ kinh doanh tại Chi nhánh T12. Theo quy định của Công ty đối với công tác bán hàng và thu hồi nợ tại mục 1: *“Trách nhiệm cán bộ bán hàng và thu nợ tiền hàng... Tuyệt đối không được lợi dụng, lấy tiền hàng sử dụng vào công việc cá nhân; nếu để xảy ra thì phải đền bù thiệt hại cho Công ty và bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật”*; tại mục 3.3 có ghi: *“Người nhận (là cán bộ Công ty) chịu trách nhiệm pháp lý nhận nợ tiền hàng thay khách hàng, có trách nhiệm thanh toán tiền hàng đầy đủ, kịp thời về cho Tổng Công ty. Thời gian chuyển tiền phải thực hiện ngay trong ngày bằng chuyển khoản ngân hàng. Trong trường hợp không thanh toán trong ngày thì phải thanh toán vào ngay ngày hôm sau, tuyệt đối không vì bất cứ lý do nào khác để thanh toán sang ngày thứ 3”*. Với quy định trên, Lã Văn T đã trực tiếp thu tiền hàng từ các Đại lý nhưng không nộp về Công ty theo quy định, mặc dù đã được Công ty nhiều lần thông báo yêu cầu nộp tiền. Trong thời gian từ năm 2017 đến tháng 7/2018, Lã Văn T đã thu tiền bán hàng từ 06 đại lý gồm V, N, Minh Đ, Bảy C, Quốc C1 và Phương Á, nhưng không chuyển nộp cho Công ty theo quy định mà đưa ra các thủ đoạn gian dối như: báo cáo với Công ty chưa thu được tiền hàng hoặc báo cáo thu được số tiền ít hơn số tiền thực tế đã thu từ các đại lý; một số đại lý đã thanh toán xong tiền hàng nhưng Lã Văn T vẫn báo cáo về Công ty chưa thu được tiền hàng; báo cáo gian dối sử dụng số tiền

đã thu được để trả nợ cho các đại lý khác và mua bàn ghế cho Công ty... để chiếm đoạt của Công ty với tổng số tiền là 953.475.411 đồng, cụ thể:

1. Đại lý V1, địa chỉ tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do bà Võ Thị Như S làm chủ đại lý: Năm 2017, đại lý V1 nhận 40 tấn phân bón của Công ty, trị giá 323.750.000 đồng. Năm 2018, đại lý V1 nhận 10 tấn phân bón trị giá 54.000.000 đồng. Đến ngày 21/5/2018, đại lý V1 đã thanh toán hết toàn bộ tiền hàng cho Lã Văn T, với tổng số tiền là 377.750.000 đồng. Lã Văn T chuyển nộp cho Công ty, số tiền 366.250.000 đồng, còn lại số tiền 11.500.000 đồng T đã chiếm đoạt sử dụng mục đích cá nhân.

2. Đại lý Năm T3, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do bà Lê Thị T4 làm chủ đại lý: Năm 2017, đại lý Năm Tiếp nhận 100 tấn phân bón Sao Việt của Công ty, trị giá 852.950.000 đồng, đã thanh toán xong tiền hàng cho Lã Văn T, số tiền là 850.900.000 đồng, chiết khấu cho đại lý số tiền 2.050.000 đồng. Năm 2018, đại lý Năm Tiếp nhận 57 tấn hàng phân bón, trị giá 493.150.000 đồng, đã thanh toán cho Lã Văn T 200.000.000 đồng, chiết khấu cho đại lý 10.900.000 đồng, còn nợ Công ty số tiền 282.150.000 đồng. Tuy nhiên, công nợ do Lã Văn T báo cáo về Công ty tính đến ngày 31/7/2018, đại lý N1 còn nợ số tiền 594.544.516 đồng (bao gồm nợ của năm 2017), nhưng thực tế, đại lý N1 chỉ còn nợ số tiền 282.150.000 đồng. Như vậy, Lã Văn T đã chiếm đoạt của Công ty, số tiền 312.394.516 đồng.

3. Đại lý Minh Đ, địa chỉ tại K, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do bà Phạm Thị H2 làm chủ đại lý: Năm 2017, đại lý T10 nhận của Công ty T10 252 tấn hàng phân bón, trị giá 1.591.750.000 đồng và đã thanh toán xong tiền hàng cho Lã Văn T.

Năm 2018, đại lý T10 nhận 95 tấn hàng, trị giá 655.550.000 đồng, bà Phạm Thị H2 đã đưa cho Lã Văn T số tiền 450.000.000 đồng, trong đó thanh toán tiền hàng 250.000.000 đồng và 200.000.000 đồng là tiền bà Phạm Thị H2 góp vốn để làm ăn kinh doanh với T. Như vậy, đại lý T10 còn nợ Công ty số tiền 405.550.000 đồng. Tuy nhiên, công nợ do Lã Văn T báo cho Công ty đến ngày 31/7/2018, đại lý T10 còn nợ số tiền 700.150.895 đồng, giảm trừ lô hàng nhận lại từ Đại lý Q trị giá 60.000.000 đồng, còn nợ 640.150.895 đồng (bao gồm cả nợ của năm 2017). Ngày 16/8/2018, Công ty T10 và Lã Văn T đã tiến hành đối chiếu công nợ xác định hiện tại Đại lý Minh Đ còn nợ tiền hàng là 405.550.000 đồng. Như vậy, Lã Văn T đã chiếm đoạt của Công ty, số tiền 234.600.895 đồng.

4. Đại lý Bảy C, địa chỉ tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do bà Nguyễn Thị H3 làm chủ đại lý: Năm 2017, đại lý T10 nhận 147 tấn hàng phân bón của

Công ty, trị giá 1.135.780.000 đồng, đã thanh toán 1.135.430.000 đồng, còn nợ số tiền 350.000 đồng.

Năm 2018, Đại lý Bảy C nhận 72 tấn hàng phân bón, trị giá 538.800.000 đồng, đã thanh toán cho Lã Văn T số tiền 115.530.000 đồng và thanh toán trực tiếp cho Công ty số tiền 391.500.000 đồng, còn nợ số tiền 32.120.000 đồng.

Tuy nhiên, công nợ do Lã Văn T báo về cho Công ty đến ngày 31/7/2018, Đại lý Bảy C còn nợ số tiền 97.650.000 đồng. Ngày 17/8/2018, Công ty T10 và Lã Văn T đã tiến hành đối chiếu công nợ xác định hiện tại Đại lý Bảy C còn nợ số tiền 32.120.000 đồng. Như vậy, Lã Văn T đã chiếm đoạt của Công ty, số tiền 65.530.000 đồng.

5. Đại lý Quốc C1, địa chỉ tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do bà Lê Thị L1 làm chủ đại lý: Năm 2017, Đại lý Quốc C1 nhận bán hàng phân bón của Công ty và đã thanh toán đầy đủ cho Lã Văn T, nhưng T báo về Công ty T10 còn nợ số tiền 35.500.000 đồng; đến ngày 05/9/2018, Lã Văn T đã chuyển trả cho Công ty số tiền 35.000.000 đồng.

Năm 2018, Đại lý Quốc C1 nhận 20 tấn hàng phân bón của Công ty (lô hàng này Lã Văn T đã hợp đồng cho Đại lý T10, nhưng tự ý giao cho Đại lý T10), trị giá 183.000.000 đồng, Đại lý Quốc C1 đã thanh toán cho Lã Văn T 173.000.000 đồng, còn lại chiết khấu cho đại lý 8.000.000 đồng và làm bảng hiệu 2.000.000 đồng, nhưng T không báo cáo và không chuyển nộp số tiền trên cho Công ty. Như vậy, Lã Văn T đã chiếm đoạt của Công ty, tổng số tiền 173.500.000 đồng.

6. Đại lý Phương Á, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do ông Võ Á1 làm chủ đại lý: Năm 2017, Đại lý Phương Ánh nhận 15 tấn hàng phân bón của Công ty, trị giá 125.250.000 đồng. Đại lý đã thanh toán đầy đủ số tiền trên cho Lã Văn T, nhưng T chỉ chuyển nộp cho Công ty, số tiền 49.700.000 đồng, còn giữ lại 75.550.000 đồng.

Năm 2018, Đại lý Phương Á nhận tiếp 22 tấn hàng phân bón, trị giá 155.400.000 đồng và đã thanh toán đủ số tiền hàng cho Lã Văn T. Ngày 05/3/2018, Lã Văn T chuyển nộp cho Công ty, số tiền 75.000.000 đồng và báo cáo với Công ty đến ngày 31/7/2018, Đại lý Phương Á còn nợ số tiền 155.950.000 đồng, nhưng thực tế Đại lý đã thanh toán đủ số tiền hàng cho Lã Văn T. Như vậy, Lã Văn T đã chiếm đoạt của Công ty, tổng số tiền 155.950.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền Lã Văn T đã chiếm đoạt của Công ty, tổng số tiền là 953.475.411 đồng, trong đó:

Năm 2017: Lã Văn T đã nhận tổng số tiền 113.444.516 đồng do các Đại lý thanh toán tiền hàng, gồm: Đại lý Năm Tiếp, số tiền 112.394.516 đồng, Đại lý Quốc C1, số tiền 500.000 đồng và Đại lý Phương Á, số tiền 550.000 đồng, nhưng Lã Văn T không nộp về cho Công ty mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Năm 2018: Lã Văn T đã nhận tổng số tiền 840.030.895 đồng do các Đại lý thanh toán tiền hàng, gồm: Đại lý V1 số tiền 11.500.000 đồng, Đại lý Năm Tiếp số tiền 200.000.000 đồng, Đại lý T10 số tiền 234.600.895 đồng, Đại lý Bảy C số tiền 65.530.000 đồng, Đại lý Quốc C1 số tiền 173.000.000 đồng và Đại lý Phương Á số tiền 155.400.000 đồng, nhưng Lã Văn T không nộp về cho Công ty mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Quá trình điều tra, Lã Văn T khai báo đã sử dụng 279.000.000 đồng thu từ Đại lý N1 để trả nợ cho Đại lý Lục T5 và sử dụng 90.000.000 đồng thu từ Đại lý T10 để trả nợ cho Đại lý Kim H4 vào năm 2016 và sử dụng 262.000.000 đồng để mua bàn ghế cho Công ty. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định lời khai của Lã Văn T là không có căn cứ, do số tiền T chiếm đoạt được thực hiện vào năm 2017 và 2018 nhưng lại khai nhận đưa trả cho đại lý khác vào năm 2016 và kết quả điều tra xác định từ năm 2016 đại lý Lục T5 và Kim H4 đã thanh lý hợp đồng và không còn bán hàng cho Công ty. Việc mua bàn ghế là do Lã Văn T tự ý mua cho cá nhân chứ Công ty không có chủ trương dùng tiền thu từ đại lý để mua sắm bàn ghế cho Công ty T10, bộ B1 sau đó T đã bán lại cho ông Võ Xuân D là nhân viên của Công ty phụ trách bán hàng tại tỉnh Lâm Đồng.

Về dân sự: Trong quá trình Cơ quan điều tra thụ lý giải quyết nguồn tin về tội phạm (ngày 24/10/2018). Từ ngày 07/01/2019 đến ngày 11/4/2019, Lã Văn T đã nhiều lần nộp tiền khắc phục hậu quả cho Công ty, với tổng số tiền là 940.000.000 đồng. Ngày 10/5/2021, gia đình của Lã Văn T đã nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 103.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tổng số tiền Lã Văn T nộp lại để khắc phục hậu quả là 1.043.000.000 đồng.

Ngày 29/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 33/QĐ-PC03, Trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh Q giám định chữ viết, chữ ký của Lã Văn T tại các Biên bản làm việc và Biên bản đối chiếu công nợ gốc giữa Công ty Cổ phần T10, các Đại lý và Lã Văn T.

Ngày 07/5/2021, Phòng K1 Công an tỉnh Q đã có Kết luận giám định số 676/KLGD-PC09, kết luận:

*“Chữ ký, chữ viết dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Lã Văn T trên các mẫu so sánh là do cùng một*

*người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết ở vị trí giữa các mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” và “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Lã Văn T trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.”*

Ngày 26/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2021/HS-ST, tuyên phạt bị cáo Lã Văn T 08 năm 06 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Ngày 21/3/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm và ban hành Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2022/HS-PT, tuyên hủy bản án sơ thẩm số 53/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, với lý do: việc thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ số tiền Lã Văn T thực tế đã chiếm đoạt của Công ty T10? Xác định rõ thời hạn Lã Văn T trả nợ cho Công ty T10; làm rõ Biên bản họp xử lý nợ xấu trong công tác bán hàng tại T và Lâm Đồng ngày 06/5/2018 do Lã Văn T cung cấp trong thời điểm chuẩn bị xét xử sơ thẩm.

Kết quả điều tra lại đã xác định được như sau:

Ngày 24/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q thụ lý giải quyết tố giác về tội phạm của Công ty T10 tố cáo Lã Văn T đã thu tiền bán hàng của 07 khách hàng gồm Đại lý T10, Đại lý N, HKD P, Đại lý Lượm H5, HKD Lê Hoàng V, Đại lý Bảy C và Công ty TNHH T10, với tổng số tiền là 1.218.375.411 đồng, nhưng không nộp về Công ty mà chiếm đoạt. Ngày 20/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ban hành bản kết thúc việc kiểm tra xác minh tố giác về tội phạm, xác định từ năm 2017 đến tháng 7/2018, Lã Văn T đã thu tiền bán hàng của 06 đại lý, gồm: V, Năm T3, Minh Đ, Bảy C, Quốc C1 và Phương Á, nhưng không chuyển nộp cho Công ty T10 mà đưa ra các thủ đoạn gian dối như: báo cáo chưa thu được tiền bán hàng hoặc báo cáo thu được số tiền ít hơn số tiền thực tế đã thu từ các đại lý; báo cáo gian dối đã sử dụng tiền thu được để trả nợ cho các đại lý khác và mua bàn ghế cho Công ty... để chiếm đoạt tổng số tiền 1.153.475.411 đồng. Quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, Lã Văn T đã nhiều lần nộp tiền cho Công ty T10 để khắc phục hậu quả với tổng số tiền 1.043.000.000 đồng. Ngày 23/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Lã Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra xác định Lã Văn T đã chiếm đoạt số tiền 953.475.411 đồng đã thu từ 06 đại lý gồm V, N, Minh Đ, Bảy C, Quốc C1 và Phương Á. Có sự chênh lệch so với

Bản kết thúc giải quyết nguồn tin về tội phạm do quá trình điều tra xác định có số tiền 200.000.000 đồng Lã Văn T thu từ Đại lý T10, là do bà Phạm Thị H2 góp vốn để kinh doanh riêng với T. Đối với việc chênh lệch số tiền Lã Văn T đã nộp để khắc phục hậu quả cho Công ty là do quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, Lã Văn T và Công ty T10 cung cấp các chứng từ có sự trùng lặp, nên quá trình điều tra đã xác định từ ngày 07/01/2019 đến ngày 11/4/2019, Lã Văn T đã nhiều lần nộp tiền khắc phục hậu quả cho Công ty T10 với tổng số tiền là 940.000.000 đồng.

Đối với Biên bản họp xử lý nợ xấu trong công tác bán hàng tại T và Lâm Đồng ngày 06/5/2018 do Lã Văn T cung cấp trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm: Đây là biên bản họp xử lý nợ xấu trong công tác bán hàng tại T và Lâm Đồng giữa Công ty T10 với các cán bộ bán hàng, trong đó đã xác định khoản nợ xấu liên quan đến Lã Văn T quản lý và bán hàng là số tiền 225.450.000 đồng của 03 đại lý gồm: D1 (nợ mùa mưa 2016) 168.000.000 đồng; HKD Ngô Văn T6 (nợ mùa khô 2016/2017) 51.200.000 đồng, Đại lý H7 (nợ mùa khô 2016/2017) 6.250.000 đồng, các bên thỏa thuận, thống nhất: “Đ/c Lã Văn T đồng ý, chấp thuận sẽ vay Ngân hàng để trả đầy đủ một lần số tiền nêu trên (225.450.000 đồng) cho công ty. Thời gian đ/c Lã Văn T thực hiện việc trả nợ toàn bộ số tiền trên cho Công ty chậm nhất trước ngày 20-6-2018 (Sau 45 ngày kể từ ngày 06/5/2018). Công ty hỗ trợ trả tiền lãi vay cho cán bộ theo từng năm một, trong phạm vi thời gian hai năm theo mức lãi suất ngắn hạn thông thường của các NHTM. Sau hai năm nếu cán bộ vẫn chưa xử lý thu hồi dứt điểm toàn bộ nợ xấu từ khách hàng, thì công ty sẽ xem xét và có hướng xử lý tiếp theo ...”. Như vậy, Biên bản họp xử lý nợ xấu trong công tác bán hàng tại T và Lâm Đồng ngày 06/5/2018 chỉ thỏa thuận, thống nhất về khoản nợ xấu của 03 khách hàng gồm D1, HKD Ngô Văn T6 và Đại lý Hòa Tình giữa Lã Văn T với Công ty T10, nhưng T không nộp tiền nên Công ty không hỗ trợ tiền lãi. Còn 06 khách hàng gồm các Đại lý Minh Đ, Năm T3, Phương Á, Bảy C, Quốc C1 (L) và Việt S1 hoàn toàn không có nợ xấu đối với Công ty, không được đề cập trong nội dung biên bản xử lý nợ xấu ngày 06/5/2018. Vì vậy, 06 đại lý trên không thuộc trường hợp được Công ty hỗ trợ trả tiền lãi vay và gia hạn thời hạn trả nợ xấu.

Như vậy, Lã Văn T đã lợi dụng việc thu tiền từ các khách hàng Minh Đ, N, Phương Á, Bảy C, Quốc C1, V nhưng không nộp tiền về Công ty theo quy định mà đưa ra thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của Công ty T10, tổng số tiền 953.475.411 đồng. Trong đó: Năm 2017, Lã Văn T đã chiếm đoạt của Công ty số tiền 113.444.516 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Năm

2018, Lã Văn T đã chiếm đoạt của Công ty số tiền 840.030.895 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Sau khi bị Công ty phát hiện, có đơn tố cáo và Cơ quan điều tra đã thụ lý giải quyết nguồn tin về tội phạm, Lã Văn T mới nộp lại cho Công ty T10 nhiều lần với tổng số tiền 940.000.000 đồng, nên xác định đây là số tiền Lã Văn T nộp để khắc phục hậu quả, còn thời điểm tội phạm hoàn thành là thời điểm Lã Văn T đưa ra thông tin gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của Công ty.

**Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:**

Tuyên bố: bị cáo Lã Văn Trọng phạm t *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* và tội *“Tham ô tài sản”*.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48, các Điều 54, 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Lã Văn T 01 (Một) năm tù về tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* và 08 (T7) năm tù về tội *“Tham ô tài sản”*. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là 09 (C2) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2021 đến ngày 17/5/2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lã Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2023, bị cáo Lã Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với nội dung kêu oan.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo Lã Văn T giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo bị oan và không phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lã Văn T 01 (Một) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và 08 (T7) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*” là nghiêm khắc; tại cấp phúc thẩm bị cáo kháng cáo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày trong bản luận cứ gửi cho Tòa án: Bị cáo Lã Văn T không chiếm đoạt tiền của Công ty như án sơ thẩm xác định, bị cáo không chiếm đoạt tiền của Đại lý V1 11.500.000 đồng do cộng nhâm và không chiếm đoạt tiền của đại lý L2 279 triệu, đại lý K2 90 triệu, D1 262 triệu; ngoài ra, tiền lương và chi phí Công ty phải trả cho T hơn 316 triệu đồng; bị cáo T đã nộp lại số tiền 940 triệu trước khi khởi tố vụ án và nộp thêm số tiền 103.000.000 đồng ngày 10/5/2021. Do đó bị cáo không phạm tội, đề nghị hủy bản án sơ thẩm đình chỉ vụ án và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Bị cáo cho rằng, khi đi thu hồi nợ cho Công ty bị cáo đã dùng tiền của gia đình để chi phí đi lại cho việc thu hồi nợ hơn 1 tỷ đồng. Bản thân bị cáo không hưởng lợi và chiếm đoạt tiền của Công ty T10 bị thâm vào tiền của gia đình gần 1 tỷ đồng; bị cáo không chiếm đoạt các khoản tiền cụ thể (như người bào chữa ghi trong luận cứ bào chữa) của Công ty mà chỉ sử dụng chưa đúng, đề nghị xem xét bị cáo không phạm tội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trình bày: Bị cáo kháng cáo nhưng không thật thà khai báo, đề nghị HĐXX bác bỏ toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại thống nhất với trình bày của Luật sư bảo vệ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo Bản án sơ thẩm: Ngày 01 tháng 8 năm 2014, Công ty Cổ phần T10 (Công tT10) đã ký kết Hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Lã Văn T và giao đảm nhiệm công việc cán bộ kinh doanh tại Chi nhánh T12; Trong khoảng thời gian năm 2017 và năm 2018, Lã Văn T đã lợi dụng việc thu tiền từ các khách hàng Minh Đ, N, Phương Á, Bảy C, Quốc C1, V nhưng không nộp tiền về Công ty theo quy định mà đưa ra thủ đoạn gian dối để chiếm

đoạt của Công ty T10, tổng số tiền 953.475.411 đồng. Trong đó: Năm 2017, Lã Văn T đã chiếm đoạt của Công ty số tiền 113.444.516 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Năm 2018, Lã Văn T đã chiếm đoạt của Công ty số tiền 840.030.895 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Sau khi bị Công ty phát hiện, có đơn tố cáo và Cơ quan điều tra đã thụ lý giải quyết nguồn tin về tội phạm, từ ngày 7/1/2019 đến ngày 11/4/2019 Lã Văn T nhiều lần nộp lại cho Công ty T10 với tổng số tiền 940.000.000 đồng; ngày 23/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q ra quyết định khởi tố vụ án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 BLHS sau khi khởi tố vụ án quá trình điều tra ngày 10/5/2021, gia đình T đã nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 103.000.000, đồng. Tòa án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lã Văn Trọng cáo Lã Văn T 01 (Một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 08 (T7) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo, thấy:

[2.1] Tại Đơn kháng cáo kêu oan bị cáo T8 cho rằng bị cáo không có hành vi chiếm đoạt số tiền 11.500.000 đồng của Đại lý V1, do khi cộng các khoản nợ đã bỏ sót không cộng số tiền 30 triệu đồng; đối với số tiền 279 triệu của đại lý L2 và 90 triệu của đại lý K2 là do T đã huy động từ nguồn khác để trả nợ thay cho hai đại lý này, đến nay đại lý L2 vẫn đang còn nợ Công ty 279 triệu đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ và cam kết trả nợ ngày 12/6/2018 của đại lý L2. Theo kết luận điều tra và truy tố, Bản án sơ thẩm xác định đại lý L2 và đại lý K2 đã trả hết nợ cho Công ty và không còn liên quan đến Công ty từ năm 2016; tuy nhiên, theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/6/2018 giữa Lã Văn T và hộ kinh doanh Nguyễn Thị T9 xác nhận còn nợ tiền hàng của Công ty do Trọng đại diện số tiền 279 triệu đồng và hẹn đến 3/2019 sẽ trả; tại Biên bản xác minh ngày 18/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đối với bà Nguyễn Thị T9 (chủ đại lý) về nội dung trên thì bà T9 xác nhận “Việc giao nhận hàng và trả tiền hàng chỉ được ghi nhận vào sổ mua bán hàng của cán bộ bán hàng công ty là ông Lã Văn Trọng đại l không nắm được số lượng hàng đã bán và số tiền đã chuyển cho ông Lã Văn T”. Do đó, có căn cứ chấp nhận lời khai lại của bị cáo T về số tiền 279 triệu đồng đến tháng 3/2019 đại lý L2 vẫn đang còn nợ T, nên không có căn cứ quy kết cho T chiếm đoạt số tiền này của Công ty và được khấu trừ trách nhiệm hình sự theo khai lại của bị cáo T.

[2.2] Đối với khai lại của bị cáo T cho rằng: đại diện công ty Lã Văn T và đại lý K2 vẫn đang còn nợ Công ty 90 triệu đồng theo Biên bản đối chiếu

công nợ và cam kết trả nợ ngày 25/3/2018 giữa đại lý K2 và đại diện công ty T10; theo Biên bản xác minh ngày 18/12/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Quảng Bình thì đại lý K2 không thừa nhận nội dung này; do đó, khai lại của bị cáo và trình bày của người bào chữa không có căn cứ để chấp nhận trình bày trên. Đối với số tiền bị cáo cho rằng cộng nhầm 11.500.000 đồng của Đại lý Việt Sương nhưng bị cáo không xuất trình được chứng cứ nên không có căn cứ để chứng minh bị cáo cộng nhầm; về số tiền nợ của D1 (Nguyễn Văn H6) theo Biên bản thỏa thuận thanh toán nợ giữa D1 và Lã Văn T thì 2 bên xác nhận nợ đến ngày 6/5/2018 bên A DNTN ĐPHUY còn nợ 168.000.000 đồng tiền hàng Công ty và DNTN dùng tài sản là bộ bàn ghế 6 món trị giá 262.000.000 đồng để trả nợ, theo T trình bày việc này đã có báo cáo với lãnh đạo Công ty và được Lãnh đạo Công ty đồng ý; tuy nhiên lãnh đạo Công ty không thừa nhận; bị cáo T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc lãnh đạo Công ty đồng ý cho bị cáo mua bộ bàn ghế để cân trừ nợ; do đó, lời khai và trình bày của người bào chữa, bị cáo không được chấp nhận. Đối với các khai lại về tiền lương và chi phí đi thu hồi nợ của bị cáo T thấy rằng: Các chi phí thu hồi nợ và tiền lương của bị cáo theo bị cáo T trình bày thì phát sinh từ sau tháng 6/2018 sau khi việc chiếm đoạt số tiền bị cáo đã thu của các đại lý nhưng không nộp theo quy định (thời hạn 3 ngày kể từ ngày thu tiền) và Công ty đã phát hiện, nên không có căn cứ xem xét để khấu trừ cho bị cáo như yêu cầu kháng cáo của bị cáo và trình bày của người bào chữa về các khoản chi phí và tiền lương mà Công ty phải trả cho bị cáo.

[2.3] Từ nhận định trên thấy, bị cáo T đã dùng số tiền thu được trả cho hộ kinh doanh Đại lý L2 do bà Nguyễn Thị T9 làm chủ số tiền: 279.000.000 đồng, mặc dù bị cáo không thực hiện đúng quy định của Công ty nhưng bị cáo không chiếm đoạt số tiền này của Công ty; nên Hội đồng xét xử giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo về số tiền này; đồng thời số tiền này theo trình bày bị cáo đã thu và trả từ trước năm 2017, do đó bị cáo không phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như Bản án sơ thẩm đã quyết định; bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản” với số tiền 674.475.411 đồng [840.030.895 đồng - (279.000.000 đồng - 113.444.516 đồng)]. Do bị cáo được giảm số tiền chiếm đoạt như phân tích trên, sau khi bị phát hiện Công ty có văn bản gửi cho cơ quan điều tra, bị cáo T đã khắc phục nộp gần đủ cho Công ty toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt (940 triệu đồng) trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án và nộp thêm 103 triệu ngày 10/5/2021 dư 89.524.589 đồng; tại phiên tòa đại diện Công ty xác nhận bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 279 triệu bị cáo Lã Văn T đã thu tiền của các đại lý lẽ ra phải nộp cho Công ty theo quy định nhưng bị cáo T không nộp mà tự ý kê khai nộp cho đại lý L2 không được sự đồng ý của Công ty, nên về phần trách nhiệm dân sự bị cáo T vẫn phải có trách nhiệm đối với Công ty về số tiền 279 triệu. Do đó, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm, về tiền lãi khi thi hành án và thi hành bản án được giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[5] Bị cáo Lã Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lã Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Lã Văn T phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48, các Điều 54, 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lã Văn T 7 (B) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2021 đến ngày 17/5/2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lã Văn T.

3. Các phần khác của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, về tiền lãi do chậm thi hành án, về quy định thi hành bản án được giữ nguyên như quyết định của Bản án sơ thẩm.

4. Bị cáo Lã Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trương Minh Tuấn**